

Số: /GPMT-TNMT

Phú Thọ, ngày tháng 5 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc uỷ quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, cấp giấy phép môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường nộp lần đầu số 110/TL-BDA ngày 22/3/2022; Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường nộp sau khi hoàn thiện hồ sơ số 203/TL-BDA ngày 27/4/2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp cho Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập, địa chỉ tại số 3010, đại lộ Hùng Vương, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu nhà ở đô thị Văn Lang Sky Lake (giai đoạn 1)”, tại phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Khu nhà ở đô thị Văn Lang Sky Lake (giai đoạn 1).

1.2. Địa chỉ hoạt động: Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số 2600251062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp cho Công ty TNHH xây dựng Tự Lập lần đầu ngày 14/8/2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/01/2022.

1.4. Mã số thuế: 2600 251 062.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị đồng

bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nhà ở.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất đầu tư của dự án:

- Phạm vi của dự án: Dự án được xây dựng trên tổng diện tích 18.025,0 m², trong đó: đất ở: 5.356,7 m²; đất hỗn hợp: 8.797,2 m²; đất giao thông: 3.848,2 m²; đất cây xanh: 142,9 m²; đất bãi đỗ xe: 105,0 m².

- Quy mô dân số: 1.815 người.

- Các công trình xây dựng: Đất ở được xây dựng thành 16 nhà ở biệt thự (trong đó khu biệt thự 1: 06 biệt thự; khu biệt thự 2: 03 biệt thự; khu biệt thự 3: 06 biệt thự); Đất hỗn hợp xây dựng nhà 33 tầng cụ thể: Tầng hầm (tầng hầm B1, tầng hầm B2); Phần đế từ tầng 1 đến tầng 6; Khối 1 từ tầng 7 đến tầng 33 (trong đó từ tầng 7 đến tầng 11 là khách sạn; tầng 12 là kỹ thuật, lánh nạn; từ tầng 13 đến tầng 33 là chung cư); Khối 2 từ tầng 7 đến tầng 28 là chung cư.

- Tổng vốn đầu tư 1.322.898.000.000,00 đồng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường dự án tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn tới ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

Phụ Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép:

Giấy phép môi trường có hiệu lực 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, UBND thành phố Việt Trì giám sát việc thực hiện Giấy phép và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập;
- GD, PGD Sở (Ô. Thọ);
- UBND thành phố Việt Trì;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- TT Kỹ thuật CNTNMT (đề công khai);
- Lưu: VT (Loan-10b).

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Quang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-TNMT ngày tháng 5 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà ở biệt thự, hỗn hợp phát sinh khoảng 403,3 m³/ngày.đêm, trong đó nước thải của khối khách sạn là 201,5 m³/ngày đêm; nước thải khu chung cư là 189,8 m³/ngày đêm và khu biệt thự là 12 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hồ ga S11.177 trên đường Tiên Sơn thuộc lưu vực Trạm bơm PS11.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2357864; Y(m) = 567333 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 490 m³/ngày đêm;

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Xả nước thải theo phương thức bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày đêm).

2.3.3. Chất lượng nước thải, cụ thể như sau:

Nước thải sau xử lý của dự án đạt QCVN14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải sinh hoạt (cột A). Nước thải của dự án là nước thải sinh hoạt với thành phần chất ô nhiễm và giá trị giới hạn so sánh như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột A)
1	Lưu lượng	m ³ /ngày đêm	-
2	pH	-	5 - 9
3	BOD ₅	mg/l	30
4	TSS	mg/l	50
5	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
6	Amoni	mg/l	5
7	Sunfua	mg/l	1,0
8	Coliform	MPN/100ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ khu biệt thự, khu khách sạn được thu gom về bể tự hoại trước khi đầu nối vào đường ống D300 về HTXL nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm để xử lý.

Nước thải từ khu chung cư được thu gom về bể tự hoại trước khi đầu nối vào đường ống D300 về HTXL nước thải tập trung công suất 190 m³/ngày đêm để xử lý.

Nước thải từ nhà ăn của khu hỗn hợp được thu gom về 02 bể tách dầu mỡ trước khi đầu nối đường ống D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

Nước thải sau khi thu gom về 2 trạm xử lý sẽ được xử lý đảm bảo theo tiêu chuẩn, nước thải sau xử lý của 2 hệ thống xử lý được đầu nối lại với nhau và thải ra rãnh thoát nước của khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung, gồm các bể xử lý, dung tích lần lượt:

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung 300 m³/ngày đêm gồm: Bể điều hòa (8,90 x 5,05 x 5,10) m; Bể thiếu khí (6,45 x 3,55 x 5,10) m; Bể hiếu khí (6,35 x 4,80 x 5,10) m; Bể màng sinh học (6,25 x 2,40 x 5,10) m; Bể chứa bùn (6,35 x 2,20 x 5,10) m; Bể khử trùng (6,35 x 1,40 x 5,10) m.

+ Hệ thống xử lý nước thải công suất 190 m³/ngày đêm, gồm các bể xử lý, kích thước lần lượt: Bể điều hòa (6 x 5 x 6,10) m; Bể thiếu khí (7 x 4 x 6,0) m; Bể hiếu khí (7,18 x 7,18 x 6,10) m; Bể màng sinh học (5,50 x 3 x 6,10) m; Bể chứa bùn (4,37 x 2,55 x 6,10) m; Bể khử trùng (3 x 2,15 x 6,10) m.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể màng sinh học → bể chứa bùn → bể khử trùng nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch Javen.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 3/2026 đến tháng 6/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung với tổng công suất 490 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi bơm vào Hồ ga S11.177 trên đường Tiên Sơn thuộc lưu vực Trạm bơm PS11 thuộc Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này):

- Giám sát các thông số gồm: pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺, H₂S, Dầu mỡ, coliform, lưu lượng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước

thải sinh hoạt, cột A.

2.3. Tần suất lấy mẫu: theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phân A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải, lập và cập nhật sổ nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

((Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-TNMT ngày tháng 5 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ).

A. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh: do tập trung đông người, tổ chức sự kiện,...

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung không tập trung được phân tán ra xung quanh.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn quy định tại bảng sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc độ rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung không được vượt quá giá trị quy định tại bảng sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc độ rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	
1	60	55	Khu vực đặc biệt
2	70	60	Khu vực thông thường

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện các giải pháp trồng cây xanh và tạo diện tích đất trống để cải thiện môi trường không khí trong khu vực. Diện tích cây xanh phải đạt > 20% theo đúng tỷ lệ quy định. Cây xanh bố trí cách nhau 5-15m/cây, sử dụng các loại cây lấy bóng mát chịu được gió bụi, sâu bệnh, thân cây thẳng, có rễ ăn sâu, tán rộng và có khả năng chịu mực nước ngầm cao hoặc các loại cây tạo cảnh quan.

- Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và rung động như sau: Các máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng cách âm; bảo dưỡng định kỳ; xây dựng hàng rào bao quanh khu đặt máy phát điện. Các phòng tổ chức sự kiện của khu hỗn hợp được thiết kế là phòng cách âm.

- Biện pháp giảm thiểu tác động tới giao thông khu vực: tổ chức hướng dẫn, phân luồng giao thông. Phương tiện sử dụng không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

((Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-TNMT ngày tháng 5 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Giẻ lau dính dầu nhớt; dung môi từ quá trình bảo trì bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật của dự án như máy phát điện, máy bơm, máy biến thế; bóng đèn huỳnh quang; bình ắc quy, pin hết công năng sử dụng từ các hộ gia đình với khối lượng phát sinh của khu nhà ở là 7,9 kg/ngày tương đương 237 kg/tháng.

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Dung môi từ quá trình bảo trì bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật của dự án như máy phát điện, máy bơm, máy biến thế	16 01 01	70
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	18 02 01	30
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	32
4	Pin, ắc quy	16 01 12	48
5	Dầu mỡ thải	16 01 08	57
	Tổng khối lượng		237

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khoảng: 30 kg/tháng.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh thường xuyên:

- Hoa quả thối, thức ăn thừa, giấy vụn, vỏ lon, nhựa... phát sinh toàn khu nhà ở khoảng 2.359,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho lưu chứa trong nhà.

- Diện tích 10 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Thiết kế mặt sàn kho lưu giữ đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có mái che kín nắng, mưa đảm bảo toàn bộ khu vực lưu trữ không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự rò rỉ, đổ tràn. Trang bị đầy đủ thiết bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật, có

vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, có biển dấu hiệu cảnh báo...

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và sinh hoạt.

Trên các trục đường cần đặt các thùng rác con công cộng khoảng cách của các thùng rác từ 60m - 80m/1thùng để người dân thuận tiện bỏ rác. Bố trí 6 điểm tập trung rác.

- Chất thải rắn từ các khu công viên cây xanh, đường phố sẽ được các công nhân môi trường quét dọn và thu gom vào các thùng rác cố định với dung tích 50l/thùng. Riêng đối với CTR đường phố sẽ được thu gom vào các thùng rác để treo, bố trí dọc hè đường, mỗi điểm bố trí 2 thùng rác với dung tích 80l/thùng.

- Mỗi vị trí bố trí thùng chứa rác sẽ đặt 3 thùng rác: một thùng vô cơ (màu vàng), một thùng hữu cơ (màu xanh) và 01 thùng chất thải nguy hại màu đỏ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

1. Phòng chống cháy nổ.

- Chủ đầu tư sẽ trang bị các bình chữa cháy di động (bình khí CO₂, 3kg), xách tay (loại ABC 4kg) phục vụ phòng ngừa sự cố cháy nổ.

- Thực hiện chế độ bảo quản vật tư, thiết bị đúng quy định; xây dựng và ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy; tập huấn phòng cháy chữa cháy; lắp đặt hệ thống báo cháy tự động; thẩm duyệt phương án PCCC theo quy định.

2. Phòng ngừa, ứng phó với sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ đúng các bước vận hành hệ thống, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A.

- Lập và cập nhật thường xuyên sổ theo dõi, ghi chép hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Trang bị máy phát điện dự phòng để đảm bảo cho hệ thống xử lý hoạt động bình thường khi mất điện.

